

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH TG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH TG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang– Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTND, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện CL, tỉnh TG (xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh NVBH, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố BT, thị trấn BP, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 28/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Chị và anh NVBH tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 09/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CL, tỉnh TG. Sau khi cưới nhau, anh Hai chung sống cùng gia đình vợ ở Ấp 5, xã TL, huyện CL, tỉnh TG. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên, anh Hai thường xuyên uống rượu say xin về nhà bạo lực gia đình, đánh chị nhiều lần, xúc phạm chị. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh NVBH;
- Về con chung: Có 03 con chung tên NMT, sinh ngày 13/3/2001, NKH, sinh ngày 22/6/2005 và NNKN, sinh ngày 10/8/2017 đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên NNKN. Hai con chung tên NMT và NKH đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.
- Về cấp dưỡng: Chưa yêu cầu anh NVBH cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

**** Theo biên bản hòa giải ngày 31/3/2023, bị đơn anh NVBH trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị D trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hay cự cãi với nhau do bất đồng lối sống. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con. Do không đồng ý ly hôn nên những vấn đề khác anh không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị NTND có đơn xin xét xử vắng mặt, anh NVBH được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị NTND xin ly hôn với anh NVBH nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị NTND giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh NVBH vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị NTND và anh NVBH chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị NTND cương quyết xin ly hôn, anh NVBH được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng chỉ đến Tòa án một lần và không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng rồi vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NTND.

3.2. Về con chung: Xét con chung NNKN đang sống cùng chị NTND, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NTND. Hai con chung tên NMT và NKH đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3.3. Về cấp dưỡng: Chị NTND chưa yêu cầu anh NVBH cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị NTND không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị NTND phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTND.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị NTND ly hôn với anh NVBH.

2. Về con chung: Giao con chung tên NNKN, sinh ngày 10/8/2017 cho chị NTND trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh NVBH được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị NTND phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017334 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh TG nên chị NTND đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc